

Bản án số: 03/2019/HS-ST

Ngày: 21/01/2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUYỀN MỘC, TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Thảo.

Các hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Linh.

Ông Hà Danh Vượng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thành – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện XM tham gia phiên tòa:

Ông Nguyễn Trí Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 01 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 79/2018/HSST ngày 07 tháng 12 năm 2018 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 78/2018/QĐXXST - HS ngày 27 tháng 12 năm 2018 và quyết định hoãn phiên tòa số 01/2019/HSST-QĐ ngày 11/01/2019 đối với bị cáo:

Phạm Thái L, sinh năm: 1997 tại Bà Rịa – Vũng Tàu;

Nơi cư trú: Ấp BL, xã BC, huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa (học vấn): 00/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; Tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Hồng T, sinh năm: 1975 và bà Nguyễn Thị Mỹ L, sinh năm: 1976; bị cáo chưa có vợ con;

Tiền sự: Không.

Tiền án: Không.

Bị bắt, tạm giam ngày: 11/9/2018.

“Bị cáo có mặt”.

Người bào chữa cho bị cáo: Ông Lê Minh P – Trợ giúp viên pháp lý thuộc trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. “Có mặt”

Bị hại:

- Ông Phan Văn T, sinh năm: 1992 và bà Huỳnh Thị L, sinh năm: 1991; nơi cư trú: Tồ 10, ấp BT, xã BC, huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. “Vắng mặt”

- Ông Lê Đăng K, sinh năm: 1985; nơi cư trú: Ấp 3, xã BL, huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. “Có mặt”

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

- Ông Hoàng Trọng B, sinh năm: 1988; nơi cư trú: Ấp TB3, xã BC, huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. “Có mặt”

- Ông Nguyễn Văn B, sinh năm: 1990; nơi cư trú: Ấp BL, xã BC, huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. “Vắng mặt”

Người làm chứng:

+ Ông Lê Anh T, sinh năm: 1988; nơi cư trú: Ấp BL, xã BC, huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. “Vắng mặt”

+ Ông Lê Quang T, sinh năm: 1987; nơi cư trú: Phường SĐ, thị xã CL, tỉnh HD. “Vắng mặt”

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 00 giờ ngày 15/7/2017 bị cáo Phạm Thái L mượn xe mô tô không rõ biển số của một người bạn không rõ lai lịch để chở bạn tên là Yên và Nhi (không rõ lai lịch) đến tiệm internet T L thuộc ấp BT, xã BC do anh Phan Văn T làm chủ để chơi điện tử. Lúc này anh T đã nghỉ và ngủ ở phòng bên cạnh, bị cáo phát hiện bên cạnh anh T có 01 điện thoại di động Iphone 6 plus, màu vàng nên nảy sinh ý định chiếm đoạt, lợi dụng lúc anh T ngủ say, bị cáo đã lén lấy điện thoại bỏ vào túi quần rồi đi về; Nhi và Yên không biết việc bị cáo trộm cắp điện thoại của anh T. Khoảng 10 ngày sau bị cáo đến vay của anh Hoàng Trọng B 6.000.000đ và thế chân lại điện thoại trộm cắp nêu trên, anh Ba không biết là điện thoại do bị cáo trộm cắp mà có nên đã đồng ý giữ điện thoại làm tin, khoảng 1 giờ sau bị cáo đến nhà anh Ba lần nữa và hỏi mượn thêm 2.000.000đ. Tất cả số tiền này bị cáo đã tiêu xài cá nhân hết. Đến ngày 21/9/2017 anh T phát hiện anh Hoàng Trọng B đang giữ điện thoại của mình nên đã trình báo Công an xã BC, Công an xã đã mời anh Ba về làm việc. Tại đây anh Ba giao nộp lại điện thoại và trình bày lý do đã giữ điện thoại trên từ bị cáo Phạm Thái L. Sự việc được chuyển đến Cơ quan CSĐT để điều tra theo thẩm quyền nhưng bị cáo đã bỏ trốn khỏi địa phương.

Ngoài ra bị cáo còn khai nhận khoảng 22 giờ ngày 16/8/2018 bị cáo đến chơi tại trụ sở văn hóa ấp BL, xã BC. Tại đây có Lê Anh T, Lê Quang T đang ngồi chơi, bị cáo ngồi chơi ở giường nơi anh Lê Đăng K đang ngủ. Khoảng 10 phút sau thì Nguyễn Văn B đến chơi và ngồi cạnh bị cáo, lúc này bị cáo phát hiện 01 ví da trong túi quần anh K bị trôi ra ngoài nên nảy sinh ý định chiếm đoạt. Bị cáo kéo áo ra hiệu cho Ba ngồi lại gần để che cho bị cáo trộm cắp, Ba hiểu ý của bị cáo nên đã dùng người che cho bị cáo lấy ví của anh K. Sau khi trộm cắp được bị cáo và Ba bỏ ra ngoài kiểm tra, bị cáo lấy được 02 tờ đô la Mỹ mệnh giá mỗi tờ 02 USD, 34.000đ, 01CMND, 01 giấy đăng ký xe mô tô 72 – G 1480.77 mang tên Lê Đăng K bỏ vào túi còn ví da đưa lại cho Ba mang vào trả lại; Bị cáo và Ba quay vào trụ sở ấp, Ba để ví da vào cạnh chỗ anh K nằm ngủ rồi cả 02 ngồi chơi được một lúc thì bị cáo phát hiện 01 điện thoại Iphone 6 Plus, màu vàng của anh K từ trong túi quần rơi xuống giường, lợi dụng không ai để ý, bị cáo lấy điện thoại bỏ vào túi quần rồi đem về nhà cất giấu, sau đó bị cáo chủ động gọi điện yêu cầu anh K giao tiền chuộc. Từ đó Công an xã BC yêu cầu bị cáo đến làm việc và bị cáo đã thừa nhận hành vi trộm cắp tài sản của anh K và anh T như đã nêu trên. Đồng thời tự nguyện giao nộp lại tài sản trộm cắp được gồm 01 điện thoại Iphone 6 plus, 02 tờ đô la Mỹ mệnh giá mỗi tờ là 2 USD, 01 CMND, 01 giấy đăng ký xe mô tô 72 – G1 480.77 mang tên Lê Đăng K. Đối với sim điện thoại Vinaphone bị cáo đã làm mất.

Căn cứ kết luận định giá tài sản số 58/KL – HĐĐG ngày 11/10/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện XM. Kết luận tại thời điểm xảy ra vụ án: điện thoại di động hiệu Iphone 6 Plus, mà bị cáo đã lấy trộm của anh T có tổng giá trị là 7.028.750đ.

Căn cứ kết luận định giá tài sản số 13/KL – HĐĐG ngày 12/10/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện XM. Kết luận tại thời điểm xảy ra vụ án: 01 điện thoại Iphone 6 Plus có giá trị còn lại tại thời điểm xảy ra thiệt hại là 7.010.000đ; 01 sim điện thoại Vinaphone giá trị còn lại là 25.000đ; 02 tờ đô la Mỹ loại 02 USD có giá trị 92.000đ; 01 ví nam giá trị còn lại 0 đồng. Tổng giá trị thiệt hại là 7.127.000đ.

Tại phiên toà, bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như cáo trạng truy tố.

Tại cơ quan điều tra bị hại là anh Phan Văn T, chị Huỳnh Thị L đã nhận lại tài sản mà bị cáo đã chiếm đoạt là 01 điện thoại di động Iphone 6 Plus 16gb, màu vàng có ốp lưng màu đen; 01 sim điện thoại di động có chữ 4G Viettel. Anh T và chị L không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm.

Bị hại là anh Lê Đăng K đã nhận lại tài sản mà bị cáo đã chiếm đoạt là 01 điện thoại di Iphone 6 Plus, màu vàng; 02 tờ đô la Mỹ mệnh giá mỗi tờ là 2 USD; 01 chứng minh nhân dân số 273 163 749 mang tên Lê Đăng K; 01 giấy chứng nhận đăng ký mô tô xe máy số: 024514 mang tên Lê Đăng K. Tại cơ quan điều tra anh K cho rằng ngoài số tiền 34.000đ anh K còn mất 500.000đ. Tại phiên Tòa anh K xác định lại anh K chỉ mất số tiền 34.000đ và đối với số tiền 34.000đ này anh K không yêu cầu bị cáo và Nguyễn Văn B trả lại, anh K cũng không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm, xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án là anh Hoàng Trọng B yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền 8.000.000đ mà bị cáo đã nhận từ anh Ba. Bị cáo đồng ý.

Tại cơ quan điều tra người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án là Nguyễn Văn B trình bày đúng như những gì bị cáo trình bày. Vào khoảng 22 giờ, ngày 16/8/2018 Nguyễn Văn B có tham gia cùng bị cáo lấy ví của anh K trong ví có 02 tờ đô la Mỹ loại 02 USD; 01 chứng minh nhân dân và 01 giấy chứng nhận đăng ký mô tô xe máy mang tên Lê Đăng K; Nguyễn Văn B không biết số tiền trong ví là bao nhiêu Nguyễn Văn B có nghe bị cáo nói lại số tiền lấy được là 34.000đ. Nguyễn Văn B không tham gia cùng bị cáo lấy điện thoại di động Iphone 6 plus của anh K.

Bản cáo trạng số 76/QĐ- KSĐT ngày 30/11/2018, Viện kiểm sát nhân dân huyện XM truy tố bị cáo Phạm Thái L về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự 2015.

Kiểm sát viên thực hành quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên cáo trạng truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015; điểm s khoản 1, khoản 2, Điều 51, điểm g, khoản 1, Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo từ 12 tháng tù đến 18 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị HĐXX ghi nhận sự thỏa thuận của bị cáo và anh Hoàng Trọng B.

Người bào chữa cho bị cáo: Không có ý kiến tranh luận về tội danh, điều luật chỉ đề nghị HĐXX áp dụng điểm s, h, khoản 1, khoản 2 Điều 51 của BLHS năm 2015 để xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Người bào chữa đề nghị Hội đồng xét xử, xử phạt bị cáo 06 tháng tù.

Đại diện Viện kiểm sát nhất trí một phần ý kiến của người bào chữa, đề nghị HĐXX áp dụng tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s, khoản 1, khoản 2 Điều 51 của BLHS năm 2015 không đồng ý với đề nghị áp dụng điểm h, khoản 1 Điều 51 của BLHS năm 2015.

- Bị cáo Phạm Thái L nói lời sau cùng: Bản thân bị cáo nhận thấy hành vi của mình là vi phạm pháp luật, đã thành khẩn khai báo ăn năn hối cải, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của hành vi, quyết định truy tố: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra huyện XM, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện XM, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là đúng quy định pháp luật.

[2] Về tố tụng: Tại phiên tòa bị hại anh Phan Văn T, chị Huỳnh Thị L và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án là Nguyễn Văn B vắng mặt lần thứ 2 không có lý do. Xét thấy bị hại anh T, chị L, đã có lời khai rõ ràng đã nhận lại tài sản bị mất và không yêu cầu bị cáo bồi thường gì về trách nhiệm dân sự, Nguyễn Văn B đã có lời khai rõ ràng phù hợp với lời khai của bị cáo và những người tham gia tố tụng khác. Nguyễn Văn B đã bị Cơ quan chức năng xử lý hành chính về hành vi trộm cắp tài sản nên không ảnh hưởng đến việc xét xử hành vi phạm tội của bị cáo. Vì vậy Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị hại anh Phan Văn T, chị Huỳnh Thị L, và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án Nguyễn Văn B. Nếu sau này các bị hại có yêu cầu bồi thường về dân sự sẽ được giải quyết bằng vụ án dân sự khác theo quy định của pháp luật.

[3] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa đối chiếu với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra và những người tham gia tố tụng khác cũng như những tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ là phù hợp. Theo đó xác định được rằng: Khoảng 00 giờ ngày 15/7/2017 tại tiệm internet T L bị cáo Phạm Thái L đã có hành vi lén lút lấy trộm 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6 plus, 16gb, màu vàng có gắn ốp lưng màu đen và sim 4G Viettel của anh Phan Văn T. Căn cứ kết luận định giá tài sản số 58/KL – HĐĐG ngày 11/10/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện XM tại thời điểm xảy ra vụ án: điện thoại di động hiệu Iphone 6 Plus, mà bị cáo đã lấy trộm của anh T có tổng giá trị là 7.028.750đ.

Ngoài ra khoảng 22 giờ ngày 16/8/2018 bị cáo cùng với Nguyễn Văn B có hành vi lén lút lấy trộm của anh Lê Đăng K 01 điện thoại Iphone 6 plus màu vàng,

02 tờ đô la Mỹ mệnh giá mỗi tờ là 2 USD, 01 CMND, 01 giấy đăng ký xe mô tô 72 – G1 480.77 mang tên Lê Đăng K.

Tại cơ quan điều tra bị hại anh Lê Đăng K cho rằng số tiền bị mất ngoài 34.000đ, anh K còn mất số tiền 500.000đ nhưng tại phiên Tòa anh K xác định lại số tiền bị mất là 34.000đ. Phần trình bày này phù hợp với lời khai của bị cáo và Nguyễn Văn B. Do đó xác định bị cáo trộm của anh K số tiền 34.000đ.

Tổng giá trị tài sản bị cáo đã chiếm đoạt của anh K theo kết luận định giá tài sản số 13/KL – HDDG ngày 12/10/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện XM là 7.127.000đ và 34.000 là 7.161.000đ. Tổng giá trị 02 lần trộm cắp tài sản của bị cáo là 14.189.750đ.

Như vậy hành vi của bị cáo nêu trên có đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1, Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Từ đó cho thấy bản cáo trạng số 76/QĐ-KSĐT ngày 30 tháng 11 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện XM truy tố bị cáo Phạm Thái L về tội danh và điều khoản nêu trên là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[4] Xét về tính chất, mức độ nghiêm trọng đối với hành vi phạm tội của bị cáo: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu tài sản của công dân. Bị cáo muốn có tiền tiêu xài nhanh chóng mà không phải lao động, bị cáo đã lén lút lợi dụng sơ hở của người khác để chiếm đoạt tài sản nhằm thu lợi bất chính, phục vụ nhu cầu của bản thân. Vì vậy, cần xử phạt bị cáo một mức án nghiêm khắc tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo nhằm răn đe, giáo dục riêng và phòng ngừa chung cho xã hội.

[5] Về tình tiết tăng nặng: Vào ngày 15/7/2017 bị cáo trộm cắp tài sản của anh Phan Văn T và chị Huỳnh Thị L sau đó bỏ trốn đến ngày 16/8/2018 bị cáo tiếp tục trộm cắp tài sản của anh Lê Đăng K. Do đó bị cáo đã phạm tội 02 lần trở lên theo quy định tại điểm g, khoản 1, Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải tự nguyện giao nộp phần lớn tài sản đã chiếm đoạt được, bị hại là anh K có yêu cầu xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên áp dụng điểm s khoản 1, khoản 2, Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 để cân nhắc giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự cho bị cáo nhằm thể hiện tính Kn hồng của pháp luật.

Đối với ý kiến của người bào chữa cho bị cáo, Hội đồng xét xử nhận thấy: Người bào chữa đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng tình tiết giảm nhẹ “phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn” quy định tại điểm h, khoản 1, Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015. Bị cáo 02 lần trộm cắp tài sản tổng giá trị của 02 lần phạm tội là 14.189.750đ ngoài ra bị cáo còn mang điện thoại trộm cắp được thể chấp làm tin để mượn số tiền 8.000.000đ từ anh Hoàng Trọng B đến nay bị cáo vẫn chưa hoàn trả cho anh Hoàng Trọng B số tiền này. Do đó hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu của người bào chữa về việc áp dụng điểm h, khoản 1, Điều 51 của Bộ Luật hình sự năm 2015 đối với bị cáo. Hội đồng xét xử chấp nhận một phần bào chữa của người bào chữa cho bị cáo về áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2, Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 như phân tích trên.

[7] Về trách nhiệm dân sự:

Đối với bị hại anh Phan Văn T, chị Huỳnh Thị L và anh Lê Đăng K đã nhận lại tài sản bị mất và không có yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Anh Hoàng Trọng B do không biết chiếc điện thoại Iphone 6 Plus do bị cáo trộm cắp của anh Phan Văn T mà có nên đã đồng ý giữ điện thoại làm tin để cho bị cáo mượn số tiền 8.000.000đ. Nay anh Hoàng Trọng B yêu cầu bị cáo phải hoàn trả lại số tiền này. Bị cáo đồng ý, xét sự thỏa thuận của các bên là phù hợp với quy định của pháp luật nên ghi nhận.

[8] Về xử lý vật chứng: Xong.

[9] Về hình phạt bổ sung: Theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa cho thấy bị cáo không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

[10] Đối với Nguyễn Văn B có cùng bị cáo tham gia lấy ví của anh K nhưng không biết số tiền trong ví là bao nhiêu. Nguyễn Văn B không biết và không tham gia cùng bị cáo lấy điện thoại di động Iphone 6 Plus của anh K. Do đó chỉ xác định được tài sản Nguyễn Văn B trộm cắp vào ngày 16/8/2018 cùng với bị cáo là 02 tờ đô la Mỹ loại 02 USD có giá trị 92.000đ; 01 ví nam giá trị còn lại 0 đồng và 34.000đ. Tổng giá trị tài sản mà Nguyễn Văn B trộm cắp cùng bị cáo của anh Lê Đăng K là 126.000đ. Bản thân Nguyễn Văn B không có tiền án, tiền sự nên hành vi của Nguyễn Văn B không bị xử lý về hình sự mà chỉ bị xử lý hành chính về hành vi trộm cắp tài sản là phù hợp với quy định của pháp luật.

[11] Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Phạm Thái L phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1, Điều 173, điểm s, khoản 1, khoản 2, Điều 51, điểm g, khoản 1, Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo: Phạm Thái L 12 (Mười hai) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 11/9/2018.

2. Về trách nhiệm dân sự:

Áp dụng các Điều 585, 586, 589 và 357 của Bộ luật dân sự năm 2015, ghi nhận sự thỏa thuận giữa bị cáo và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án anh Hoàng Trọng B như sau:

Bị cáo Phạm Thái L có trách nhiệm hoàn trả cho anh Hoàng Trọng B số tiền 8.000.000đ (Tám triệu đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (Đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về án phí:

Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 buộc bị cáo Phạm Thái L phải nộp số tiền 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm;

Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Bị cáo Phạm Thái L phải nộp số tiền 400.000đ (Bốn trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử phúc thẩm. Đối với đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- VKSND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- Công an tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- Sở tư pháp tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- VKSND huyện XM;
- Công an huyện XM;
- Chi cục THADS huyện XM;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Kim Thảo